

THỦ TƯỚNG CHÍNH
PHỦ
Số: 366/QĐ-TTg

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 31 tháng 3 năm 2012

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt chương trình mục tiêu quốc gia nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn giai đoạn 2012-2015

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Căn cứ Nghị quyết số 13/2011/QH13 ngày 09 tháng 11 năm 2011 của Quốc hội về chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2011 - 2015;

Căn cứ Quyết định số 104/2000/QĐ-TTg ngày 25 tháng 8 năm 2000 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chiến lược quốc gia về cấp nước sạch và vệ sinh nông thôn đến năm 2020;

Căn cứ Quyết định số 135/2009/QĐ-TTg ngày 04 tháng 11 năm 2009 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Quy chế quản lý, điều hành thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia;

Căn cứ Quyết định số 2406/QĐ-TTg ngày 18 tháng 12 năm 2011 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Danh mục các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2012 - 2015;

Xét đề nghị của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia Nước sạch và Vệ sinh môi trường nông thôn giai đoạn 2012 - 2015 (sau đây gọi tắt là Chương trình), bao gồm các nội dung chính sau đây:

1. Tên và Cơ quan quản lý Chương trình

a) Tên Chương trình: Chương trình mục tiêu quốc gia Nước sạch và Vệ sinh môi trường nông thôn giai đoạn 2012 - 2015.

b) Cơ quan quản lý Chương trình: Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

2. Quan điểm và nguyên tắc chỉ đạo thực hiện Chương trình

a) Quan điểm:

- Đẩy mạnh công tác xã hội hóa, phát triển thị trường nước sạch và dịch vụ vệ sinh môi trường nông thôn phù hợp với tình hình phát triển kinh tế - xã hội của đất nước.
- Phát huy nội lực của toàn xã hội để thực hiện Chương trình, căn cứ đặc điểm của từng vùng, từng địa phương và nhu cầu của người sử dụng để lựa chọn quy mô công nghệ, cấp độ dịch vụ phù hợp với khả năng tài chính và công tác quản lý, khai thác, sử dụng công trình sau đầu tư. Tranh thủ và sử dụng có hiệu quả nguồn vốn của các nhà tài trợ, đảm bảo sự tham gia của cộng đồng.
- Ưu tiên hỗ trợ cho những vùng nghèo, người nghèo; các vùng đặc biệt khó khăn, thường xuyên hạn hán, ô nhiễm, miền núi, ven biển, hải đảo.

b) Nguyên tắc chỉ đạo:

- Việc thực hiện Chương trình gắn với kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, Chiến lược quốc gia về cấp nước và vệ sinh nông thôn đến năm 2020, góp phần thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới đến năm 2020; các công trình cấp nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn khi được sửa chữa, nâng cấp hoặc xây dựng mới bảo đảm hoạt động bền vững và phát huy hiệu quả trong điều kiện biến đổi khí hậu; đảm bảo cấp nước an toàn.
- Phát triển các công nghệ phù hợp với các vùng miền; bên cạnh việc phát triển các công nghệ tiên tiến cần quan tâm đến phát triển công nghệ cấp nước quy mô hộ gia đình cho những vùng còn khó khăn.
- Tăng cường mục tiêu vệ sinh, thúc đẩy đầu tư vệ sinh hộ gia đình, trong đó đẩy mạnh các loại hình vệ sinh chi phí thấp thông qua tín dụng để tăng khả năng tiếp cận của người nghèo.
- Tăng cường công tác thông tin - giáo dục - truyền thông, chuyển từ truyền thông nâng cao nhận thức sang truyền thông thay đổi hành vi.

3. Mục tiêu và nhiệm vụ chủ yếu của Chương trình

a) Mục tiêu tổng quát:

Từng bước hiện thực hóa Chiến lược quốc gia về cấp nước sạch và vệ sinh nông thôn đến năm 2020, cải thiện điều kiện cung cấp nước sạch, vệ sinh, nâng cao nhận thức, thay đổi hành vi vệ sinh và giảm thiểu ô nhiễm môi trường, góp phần nâng cao sức khỏe và chất lượng sống cho người dân nông thôn.

b) Mục tiêu cụ thể:

Đến cuối năm 2015, đạt được những mục tiêu chủ yếu sau:

- Về cấp nước: 85% dân số nông thôn được sử dụng nước sinh hoạt hợp vệ sinh, trong đó 45% sử dụng nước đạt quy chuẩn QCVN 02-BYT với số lượng ít nhất là 60 lít/người/ngày; 100% các trường học mầm non và phổ thông, trạm y tế xã ở nông thôn đủ nước sạch.
- Về vệ sinh môi trường: 65% số hộ gia đình ở nông thôn có nhà tiêu hợp vệ sinh; 45% số hộ nông dân chăn nuôi có chuồng trại hợp vệ sinh; 100% các trường học mầm non và phổ thông, trạm y tế xã ở nông thôn đủ nhà tiêu hợp vệ sinh.

4. Đối tượng và phạm vi thực hiện Chương trình

Tất cả người dân ở các vùng nông thôn trong cả nước, tập trung ưu tiên hỗ trợ hộ nghèo, các vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc, biên giới, hải đảo, vùng ô nhiễm, khó khăn nguồn nước.

5. Thời gian thực hiện

Chương trình được thực hiện từ năm 2012 đến hết năm 2015.

6. Tổng mức vốn, cơ cấu nguồn vốn và cơ chế hỗ trợ thực hiện Chương trình, danh mục dự án của Chương trình

a) Tổng mức vốn: 27.600 tỷ đồng

b) Cơ cấu nguồn vốn:

- Ngân sách trung ương: 4.100 tỷ đồng chiếm 14,9%
- Ngân sách địa phương: 3.100 tỷ đồng chiếm 11,2%
- Viện trợ quốc tế: 8.200 tỷ đồng chiếm 29,7%
- Tín dụng ưu đãi: 9.100 tỷ đồng chiếm 33,0%

- Vốn của dân và tư nhân: 3.100 tỷ đồng chiếm 11,2%

c) Các dự án của Chương trình:

- Dự án 1: Cấp nước sinh hoạt và môi trường nông thôn

+ Mục tiêu: 85% dân số nông thôn được sử dụng nước sinh hoạt hợp vệ sinh, trong đó 45% sử dụng nước đạt quy chuẩn QCVN 02-BYT với số lượng ít nhất là 60 lít/người/ngày; 100% các trường học mầm non, trường học phổ thông (điểm trường chính) đủ nước sạch và nhà tiêu hợp vệ sinh, được quản lý và sử dụng tốt; 45% số hộ nông dân chăn nuôi có chuồng trại hợp vệ sinh.

+ Kinh phí thực hiện: 19.725 tỷ đồng.

+ Các tiểu dự án thành phần:

. Tiểu dự án 1: Cấp nước sinh hoạt, bao gồm: Xây dựng công trình cấp nước sinh hoạt cho các vùng nông thôn, các đồn biên phòng kết hợp cụm dân cư tuyến biên giới và các trại giam, ưu tiên cho những vùng đặc biệt khó khăn về nguồn nước: Vùng núi cao, nhiễm mặn, vùng ô nhiễm độc hại Asen, dioxin và các ô nhiễm độc hại khác.

. Tiểu dự án 2: Xây dựng công trình nước sạch và nhà tiêu hợp vệ sinh trường học mầm non, trường học phổ thông.

. Tiểu dự án 3: Xây dựng chuồng trại chăn nuôi hợp vệ sinh.

+ Phân công thực hiện:

. Cơ quan chủ trì: Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

. Cơ quan quản lý, thực hiện: Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chỉ đạo thực hiện tiểu dự án 1 và 3; Bộ Giáo dục và Đào tạo chỉ đạo thực hiện tiểu dự án 2; Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố tổ chức thực hiện các dự án trên địa bàn.

. Cơ quan phối hợp: Các Bộ: Y tế, Xây dựng, Tài nguyên và Môi trường, Khoa học và Công nghệ, Quốc phòng, Công an; Ủy ban Dân tộc, Viện Khoa học và Công nghệ Việt Nam, Hội Nông dân Việt Nam, Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam, Trung ương Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh.

- Dự án 2: Vệ sinh nông thôn:

+ Mục tiêu: 65% số hộ gia đình ở nông thôn có nhà tiêu hợp vệ sinh; 100% các trạm y tế xã đủ nước sạch và nhà tiêu hợp vệ sinh, được quản lý và sử dụng tốt.

+ Kinh phí thực hiện: 5.961 tỷ đồng.

+ Các tiểu dự án thành phần:

. Tiểu dự án 1: Xây dựng nhà tiêu hợp vệ sinh hộ gia đình.

. Tiểu dự án 2: Xây dựng công trình nước sạch và nhà tiêu hợp vệ sinh trạm y tế xã.

+ Phân công thực hiện:

. Cơ quan chủ trì: Bộ Y tế.

. Cơ quan quản lý, thực hiện: Bộ Y tế chỉ đạo thực hiện; Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố tổ chức thực hiện các dự án trên địa bàn.

. Cơ quan phối hợp: Các Bộ: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Tài nguyên và Môi trường, Khoa học và Công nghệ, Giáo dục và Đào tạo; Ủy ban Dân tộc, Viện Khoa học và Công nghệ Việt Nam, Hội Nông dân Việt Nam, Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam, Trung ương Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh.

- Dự án 3: Nâng cao năng lực, truyền thông và giám sát, đánh giá thực hiện Chương trình.

+ Các nội dung hoạt động: Đào tạo, tập huấn nâng cao năng lực cho hệ thống của ngành; thông tin - giáo dục - truyền thông và nâng cao nhận thức, chuyển đổi hành vi cho các cấp, các ngành và cộng đồng; giám sát - đánh giá thực hiện Chương trình; kiểm soát chất lượng nước; rà soát, cập nhật quy hoạch; phát triển và chuyển giao công nghệ; vận hành bảo dưỡng công trình.

+ Kinh phí thực hiện: 1.914 tỷ đồng.

+ Phân công thực hiện:

. Cơ quan chủ trì: Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

. Cơ quan quản lý, thực hiện: Các Bộ: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Y tế, Giáo dục và Đào tạo tổ chức chỉ đạo thực hiện theo các tiểu dự án được phân công; Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố tổ chức thực hiện các dự án trên địa bàn.

. Cơ quan phối hợp: Các Bộ: Thông tin và Truyền thông, Tài nguyên và Môi trường, Khoa học và Công nghệ; Viện Khoa học và Công nghệ Việt Nam, Hội Nông dân Việt